

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-9-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị R, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị R trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Đặng Văn L chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2011. Chị và anh Đặng Văn L chung sống với nhau có 02 con chung tên:

Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 hiện nay đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Đặng Văn L không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Đặng Văn L không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Đặng Văn L sống không hòa hợp, anh Đặng Văn L không quan tâm lo lắng cho chị và con, sống không hạnh phúc và sống ly thân với nhau. Chị thấy tình cảm anh chị không còn nên chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 theo nguyện vọng của các con, chị không yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Đặng Văn L không có tài sản chung; về nợ chung, chị cam kết anh chị không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 11/8/2022, bị đơn anh Đặng Văn L trình bày như sau:*

Anh Đặng Văn L đi làm ăn, anh không tham gia giải quyết vụ án được, nay anh làm đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Anh giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 26/8/2022 của Đặng QL trình bày:*

Đặng QL là con của anh Đặng Văn L và chị Nguyễn Thị R. Nếu cha mẹ ly hôn, Đặng QL có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị R.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 26/8/2022 của Đặng QH trình bày:*

Đặng QH là con của anh Đặng Văn L và chị Nguyễn Thị R. Nếu cha mẹ ly hôn, Đặng QH có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị R.

** Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 6 năm 2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Đặng Văn L, cư trú tại ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay không có mặt ở nhà và địa phương, anh Đặng Văn L đi làm thuê mỗi lần về không xác định được thời gian. Anh Đặng Văn L và chị Nguyễn Thị R chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị R, Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị R và Đặng Văn L; Giấy khai sinh Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày*

04/5/2020 của chị Nguyễn Thị R; Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012; Biên bản xác minh ngày 11 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên; Đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 11/8/2022 của anh Đặng Văn L.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L; về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con, chị không yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị R yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L và nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Đặng Văn L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao 02 người con chung của anh chị cho chị Nguyễn Thị R được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị R khởi kiện ly hôn và nuôi con đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đặng Văn L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đặng Văn L thì anh gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, tại phiên toà chị Nguyễn Thị R không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đặng Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị R và anh Đặng Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 01/2011 ngày 19 tháng 9 năm 2011, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Đặng Văn L, thời gian chung sống chị và anh Đặng Văn L sống không hòa hợp, anh Đặng Văn L không quan tâm lo lắng cho chị và con, sống không hạnh phúc và sống ly thân với nhau. Chị thấy tình cảm anh chị không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L, nhưng anh Đặng Văn L không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Nguyễn Thị R yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa

vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị R cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R, cho chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Đặng Văn L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị R và anh Đặng Văn L có 02 người con chung tên: Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 hiện nay đang chung sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giao 02 người con chung đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị, anh Đặng Văn L không có ý kiến yêu cầu gì, các con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay sống chung với chị Nguyễn Thị R đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có ý kiến nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Thị R. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến của chị Nguyễn Thị R và nguyện vọng của các con anh chị, giao các con chung của anh chị tên: Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 cho chị Nguyễn Thị R tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị R không yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị R tự xác định, anh chị không có tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và chị Nguyễn Thị R cam kết chị và anh Đặng Văn L không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung của anh chị tên: Đặng QL, sinh ngày 09/02/2006 và Đặng QH, sinh ngày 14/4/2012 cho chị Nguyễn Thị R tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị và hiện nay đang sống chung với chị Nguyễn Thị R.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị R không yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị R tự xác định, anh chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết và chị Nguyễn Thị R cam kết chị và anh Đặng Văn L không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004834 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị R đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/9/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Điều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo